



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 01-50 : 2024/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**  
**VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG**  
*National Technical Regulation on Seed Quality of Three-line*  
*Hybrid Rice*

**HÀ NỘI - 2024**

## **QCVN 01-50 : 2022/BNNPTNT**

### **Lời nói đầu**

QCVN 01-50 : 2024/BNNPTNT do Cục Trồng trọt biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số ... /2024/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2024.

QCVN 01-50 : 2024/BNNPTNT thay thế QCVN 01-50 : 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số **45** /2011/TT-BNNPTNT ngày **24** tháng **6** năm 2011.

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG

## *National Technical Regulation on Seed Quality of Three-line Hybrid Rice*

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. Mã HS: 1006.10.10 (Theo thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2021)

#### 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. tại Việt Nam.

#### 1.3. Giải thích từ ngữ

- Giống lúa lai ba dòng: là giống lai giữa dòng bất dục đực di truyền tế bào chất (dòng CMS - còn gọi là dòng A) với dòng phục hồi hữu dục (dòng R). Dòng A được duy trì tính bất dục đực bởi dòng duy trì tương ứng (dòng B).
- Hạt giống tác giả: Hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra..- Hạt giống siêu nguyên chủng (SNC Hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định
- Hạt giống nguyên chủng (NC) là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng theo quy trình hạt giống nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận (XN) là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống xác nhận và đạt chất lượng theo quy định.
- Lúa cỏ (*Oryza sativa f. spontanea...*): được phân loại cùng loài với lúa trồng (*O. sativa*). Lúa cỏ có đặc điểm hình thái giữa lúa trồng và lúa hoang, thể hiện biến động lớn về đặc điểm hình thái và sinh lý. Lúa cỏ có chiều cao cây cao hơn, tương tự hoặc thấp hơn lúa trồng; hạt có râu hoặc không có râu; dễ rụng hạt, sức sống cao và ngủ nghỉ dài. Phần lớn hạt lúa cỏ có vỏ lụa màu đỏ, nâu hoặc đôi khi màu trắng.
- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc trước khi lập báo cáo đánh giá hợp quy.
- Hậu kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần khi lô giống đó đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.
- Lô hạt giống: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 30 tấn.

#### 1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.
- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

## QCVN 01-50 : 2022/BNNPTNT

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.
- TCVN 13607:2-2022 Giống cây trồng nông nghiệp sản xuất hạt giống- Phần 2: Hạt giống lúa lai
- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.
- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ.
- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

### 2.1. Ruộng sản xuất giống

#### 2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, không có lúa chết và lúa mọc từ hạt rụng của vụ trước.

#### 2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng nhân dòng bố mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải cách ly với với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng ít nhất một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1 - Yêu cầu về cách ly**

Ruộng sản xuất giống	Phương pháp cách ly		
	Không gian	Thời gian	Vật cản
Dòng A	ít nhất 300 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi, núi, ...) hoặc hàng rào chắn cao ít nhất 5,0 m
Dòng B	ít nhất 20 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trở 10 m.
Dòng R	ít nhất 3 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trở 50 m.
F1	ít nhất 100 m	Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi, núi, ...) hoặc hàng rào chắn cao ít nhất 5,0 m

#### 2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống

Ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo qui định tại Bảng 2.

**Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống**

Cấp giống, đơn vị tính	Ruộng nhân		Ruộng sản xuất hạt lai F1
	Dòng A/B	Dòng R	
Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	100	100	-
Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,9	-
Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	-	-
F1, % số cây, không nhỏ hơn			99,7

**2.1.4. Độ bất dục đực của dòng A trên ruộng nhân dòng A và ruộng sản xuất F1**

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng A phải đạt yêu cầu theo qui định tại Bảng 3.

**Bảng 3. Yêu cầu về tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng nhân dòng A và ruộng sản xuất F1**

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	F1
Tỷ lệ hạt phấn hữu dục, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,5
Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,3

**2.1.5. Cỏ dại**

Cỏ dại trên ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt yêu cầu theo qui định tại Bảng 4.

**Bảng 4 - Yêu cầu về cỏ dại và lúa cỏ**

Chỉ tiêu	Ruộng nhân dòng mẹ			Ruộng nhân dòng bố		Ruộng sản xuất hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Cỏ dại nguy hại <sup>a</sup> và lúa cỏ, số cây/100 m <sup>2</sup> , không lớn hơn	0	1	3	0	2	5

*Chú thích:*  
<sup>a</sup> Cỏ lồng vực cạn (*Echinochloa colona*); cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crusgalli.*); cỏ lồng vực tím (*Echinochloa.glabrescens*); cỏ đuôi phượng (*Leptochloa chinensnis*).

**2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống:** Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng phải đạt yêu cầu theo qui định tại Bảng 5.

**Bảng 5 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống**

Chỉ tiêu	Dòng A,B			Dòng R		Hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0

## QCVN 01-50 : 2022/BNNPTNT

Hạt cỏ dại nguy hại <sup>a</sup> và lúa cỏ, số hạt/ kg, không lớn hơn	0	2	4	0	4	10
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,01	0,05	0	0,05	0,3
Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0
<i>Chú thích:</i> <sup>a</sup> <i>Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crusgalli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phụng (Leptochloa chinensnis).</i>						

### III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

#### 3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng quy định tại mục 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Lúa đẻ nhánh (10-20 ngày sau cấy hoặc 20-25 ngày sau gieo thẳng);
- Lần 2: Lúa trổ khoảng 50%;
- Lần 3: Trước thu hoạch khoảng 15 ngày.

#### 3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống lúa theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

#### 3.3. Phương pháp tiền kiểm, hậu kiểm

Việc thực hiện tiền kiểm, hậu kiểm (khi cần thiết) theo phương pháp quy định tại TCVN 8547:2011.

### IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

#### 4.1. Đánh giá hợp quy

4.1.1. Hình thức đánh giá hợp quy

- Đối với giống sản xuất trong nước: Đánh giá hợp quy do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự thực hiện hoặc do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện.
- Đối với giống nhập khẩu: Đánh giá hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT..

4.1.2. Phương thức đánh giá hợp quy

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống qui định tại 3.1 và 4.1.4.
- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống qui định tại 4.1.9.

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá hợp quy thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

#### 4.1.3. Các bước đánh giá hợp quy lô giống

4.1.3.1. Các bước đánh giá hợp quy lô giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;
- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;
- Tiền kiểm (nếu cần thiết) theo quy định tại 4.1.7.

4.1.3.2. Các bước đánh giá hợp quy lô giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống theo qui định tại 4.1.9.
- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;
- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;
- Tiền kiểm hoặc hậu kiểm (nếu cần thiết) theo quy định tại 3.3; 4.1.7 hoặc 4.1.8.

#### 4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo qui chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

#### 4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy mẫu đúp, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm được chỉ định để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm hoặc hậu kiểm phải lấy thêm một mẫu để tiền kiểm hoặc hậu kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

#### 4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm được chỉ định thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

4.1.6.3. Đối với lô giống lúa nhập khẩu có hạt nhuộm màu, thực hiện như sau:

- Phiếu kết quả thử nghiệm không ghi chỉ tiêu hạt khác giống có thể phân biệt được;
- Hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

#### 4.1.7. Tiền kiểm

## **QCVN 01-50 : 2022/BNNPTNT**

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ cây khác dạng, hạt khác giống có thể phân biệt được mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định, thử nghiệm.

4.1.7.2. Báo cáo kết quả tiền kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

### **4.1.8. Hậu kiểm**

4.1.8.1. Hậu kiểm được tiến hành để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần của các lô giống lúa nhập khẩu có hạt nhuộm màu hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Nếu lô giống không đạt yêu cầu về tính đúng giống và độ thuần thì tổ chức, cá nhân có lô giống đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4.1.8.2. Hậu kiểm do tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện

4.1.8.3. Trường hợp hậu kiểm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, nếu mẫu giống hậu kiểm không đạt yêu cầu, đơn vị thực hiện hậu kiểm lập biên bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân có mẫu hậu kiểm. Trường hợp tổ chức, cá nhân có mẫu hậu kiểm cố tình không xác nhận thì biên bản vẫn có giá trị khi có chữ ký, dấu của đơn vị thực hiện hậu kiểm và là căn cứ để xử lý vi phạm theo quy định.

4.1.8.4. Chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc hậu kiểm, đơn vị thực hiện hậu kiểm gửi báo cáo kết quả hậu kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo qui chuẩn này tới chủ sở hữu lô giống, cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu hậu kiểm và Cục Trồng trọt.

### **4.1.9. Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống nhập khẩu**

Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống gồm: tên giống, cấp giống, khối lượng, nước sản xuất, chứng nhận chất lượng lô giống của nước sản xuất, hợp đồng mua bán hạt giống, cửa khẩu, thời gian nhập khẩu, danh mục hàng hóa (Packing list), hóa đơn (Invoice), tờ khai hải quan.

## **4.2. Tự đánh giá hợp quy**

4.2.1. Đánh giá hợp quy theo quy định tại 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, kết quả tiền kiểm (nếu có), tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá hợp quy lô giống phù hợp quy chuẩn kỹ thuật theo nội dung tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

## **4.3. Chứng nhận hợp quy**

4.3.1. Chứng nhận hợp quy lô giống lúa do tổ chức chứng nhận hợp quy được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định thực hiện.

4.3.2. Việc chỉ định và quản lý hoạt động tổ chức chứng nhận hợp quy giống cây trồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận hợp quy ngoài việc đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP phải có chuyên môn thuộc một trong các chuyên ngành về cây trồng, bảo vệ thực vật, sinh học và được tập huấn, cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ về kiểm định hoặc lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT.



### 4.3.3. Trình tự chứng nhận hợp quy

#### 4.3.3.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận hợp quy

#### 4.3.3.2. Đánh giá hợp quy theo quy định tại 4.1.3.1 hoặc 4.1.3.2

4.3.3.3. Cấp giấy chứng nhận hợp quy lô giống theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo qui chuẩn này.

4.3.3.4 Trường hợp lô hạt dòng bố, mẹ giống lúa lai ba dòng đăng ký sản xuất là hạt giống siêu nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp nguyên chủng thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp nguyên chủng. Trường hợp lô hạt dòng mẹ giống lúa lai ba dòng đăng ký sản xuất là hạt giống nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp xác nhận thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp xác nhận.

4.3.3.5. Trường hợp lô giống phải thực hiện hậu kiểm, Tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện như sau:

- Cấp giấy chứng nhận hợp quy khi chủ lô giống có văn bản cam kết đảm bảo đúng giống và đền bù thiệt hại cho người sử dụng nếu chất lượng lô giống không phù hợp theo qui định của qui chuẩn này;
- Thực hiện hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8; số lượng mẫu cần hậu kiểm đối với một giống và cấp giống do tổ chức chứng nhận quyết định.

## **4.4. Hồ sơ chất lượng lô giống**

4.4.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận hợp quy:

4.4.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá hợp quy lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm; kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận hợp quy lô giống.

4.4.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ truy xuất nguồn gốc lô giống nhập khẩu quy định tại 4.1.9 và biên bản lấy mẫu; giấy chứng nhận hợp quy lô giống nhập khẩu, kết quả tiền kiểm hoặc hậu kiểm (nếu có).

4.4.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.4.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá hợp quy gồm: Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá hợp quy lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; biên bản lấy mẫu; phiếu kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; báo cáo kết quả tiền kiểm (nếu có); báo cáo đánh giá hợp quy lô giống, hồ sơ công bố hợp quy và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.4.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.4.1 và 4.4.2.
- Tổ chức chứng nhận hợp quy lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.4.1.1 và 4.4.1.2

## **QCVN 01-50 : 2022/BNNPTNT**

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: báo cáo đánh giá hợp quy lô giống hoặc giấy chứng nhận hợp quy lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

### **4.5. Công bố hợp quy**

4.5.1.1. Đối với giống sản xuất trong nước: công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hợp quy do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng thực hiện hoặc kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định thực hiện.

4.5.1.2. Đối với giống nhập khẩu: công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định. Hoạt động công bố hợp quy đối với giống lúa nhập khẩu là việc tổ chức, cá nhân thực hiện quy định về kiểm tra nhà nước giống cây trồng nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 26/2019/TT-BNNPTNT.

4.5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất giống chỉ công bố hợp quy một lần cho một giống theo từng cấp giống. Khi có thay đổi về nội dung của ít nhất một thành phần hồ sơ công bố hợp quy đối với giống, cấp giống đã công bố thì tiến hành công bố lại.

#### 4.5.3. Hồ sơ công bố hợp quy

4.5.3.1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định, hồ sơ gồm:

- Bản công bố hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo qui chuẩn này;

- Bản sao giấy chứng nhận hợp quy 01 lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.

4.5.3.2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất giống, hồ sơ gồm:

- Bản công bố hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo qui chuẩn này;

- Báo cáo đánh giá hợp quy theo mẫu tại Phụ lục 5 quy chuẩn này của 01 lô giống đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành;

- Bản sao biên bản kiểm định lô ruộng giống tương ứng;

- Bản sao biên bản lấy mẫu lô hạt giống tương ứng;

- Bản sao phiếu kết quả thử nghiệm của 01 lô giống của cùng lô ruộng giống tương ứng đại diện cho một giống theo từng cấp giống trong vòng 6 tháng tính từ ngày phát hành phiếu kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được chỉ định tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy.

#### 4.5.4. Trình tự công bố hợp quy

4.5.4.1. Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập 02 bộ hồ sơ công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ lưu tại tổ chức, cá nhân công bố hợp quy; 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

4.5.4.2. Xử lý hồ sơ công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.5.4.3. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 8.

#### **4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:**

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

#### **4.7. Qui định chuyển tiếp**

- Đối với lô giống đã được sản xuất, nhập khẩu, tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy và bao bì đã in trước thời điểm Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Đối với bao bì đã in trước thời điểm quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực.

### **V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

5.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hạt giống lúa:

5.1.1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng không được trái với quy định của Quy chuẩn này;

5.1.2. Thực hiện việc tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy; công bố hợp quy; lưu hồ sơ theo quy định của Quy chuẩn này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đặt mã hiệu lô giống theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP, quản lý giống lúa theo lô và in mã hiệu lô giống trên bao bì.

5.1.3. Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của vật liệu nhân giống đã được đánh giá hợp quy, công bố hợp quy.

5.1.4. Chỉ sử dụng dấu hợp quy đối với giống cây trồng đã công bố hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường.

5.1.5. Khi phát hiện sự không phù hợp của giống lúa đã công bố hợp quy trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng, tổ chức, cá nhân phải:

5.1.5.1. Kịp thời thông báo bằng văn bản về sự không phù hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và Cục Trồng trọt; thu hồi và không được đưa ra lưu thông trên thị trường giống không phù hợp theo quy định.

5.1.5.2. Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp; thông báo bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và Cục Trồng trọt về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa hạt giống lúa vào lưu thông trên thị trường.

5.2. Tổ chức, cá nhân buôn bán giống lúa phải đảm bảo chất lượng giống và lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại Quy chuẩn này và Nghị định số 94/2019/NĐ-CP.

5.3. Người kiểm định, người lấy mẫu, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống lúa có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại quy chuẩn này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

6.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Trồng trọt: hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật này; trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật này khi cần thiết; chỉ định và quản lý hoạt động tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống lúa trên phạm vi cả nước; kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống lúa trên cả nước.

6.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống lúa trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất giống lúa trên địa bàn và gửi 01 bản về Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

6.3. Người kiểm định, người lấy mẫu, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống lúa có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại quy chuẩn này.

6.4. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

**Phụ lục 01**  
**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....,ngày.....tháng .....năm ....

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số: /BBKD-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CMND người kiểm định:  
- Đơn vị công tác (nếu có):  
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

**A. Thông tin chung:**

1. Chủ lô ruộng giống:

- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống(giống đời trước):

a) a. Đối sản xuất siêu nguyên chủng:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã lô giống:

- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá hợp quy:

- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá hợp quy: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

**B. Kết quả kiểm định:** Phương pháp kiểm định: TCVN 8548:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

**C. Kết luận:**

- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;

- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định kiểm định không phù hợp QCVN: ha/ dòng:

**D. YÊU CẦU KHÁC**

**Đại diện chủ lô ruộng giống**  
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

**Người kiểm định**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Thủ trưởng đơn vị kiểm định**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục 03**

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG**

**TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM**

**Lô gô (nếu có)**

Địa chỉ:           ĐT:           Fax:           Email:   Web:

Mã số:

Số Quyết định chỉ định:

Mã số công nhận PKN(nếu có):

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG**

**Mã số thử nghiệm:**

**I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG**

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định

Mã số/Số CMND:

Mã lô giống:

Họ tên người lấy mẫu

Khối lượng lô giống:

Mã số/Số CMND:

Số lượng bao chứa:

Ngày lấy mẫu:

Chất lượng bao bì:

Ngày nhận mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu)

Khối lượng mẫu:

Ngày cấp:

Phương pháp lấy mẫu:

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011

<b>Độ sạch (% khối lượng)</b>	<b>Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)</b>	<b>Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)</b>	<b>Tỷ lệ nảy mầm (%)</b>	<b>Độ ẩm (% khối lượng)</b>

**III. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

... phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

... không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày.....tháng.....năm .....

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

**GIÁM ĐỐC**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM**

**TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN  
TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM**

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

**1. Vật liệu**

**2. Phương pháp tiền kiểm/hậu kiểm**

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

**3. Kết quả**

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

**4. Kết luận và đề nghị**

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

**Nơi nhận:**

- Cục Trồng trọt;
- Cơ quan QLNN yêu cầu hậu kiểm;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm, hậu kiểm;
- Lưu.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*





Phụ lục 06

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG**

**TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

**Lô gô (nếu có)**

Tên Tổ chức chứng nhận:

Địa chỉ:

ĐT:

Fax:

Email:

Website:

Mã số

Số Quyết định chỉ định:

Mã số công nhận (nếu có):

**GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG  
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

Số:...../GCNHQ-

**I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:**

Chủ lô giống:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cây trồng:

Tên giống:

Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định:

Mã số/Số CMND:

Mã lô giống:

Họ tên người lấy mẫu:

Khối lượng lô giống:

Mã số/Số CMND:

Số lượng bao chứa:

Ngày lấy mẫu:

Chất liệu bao bì:

Ngày nhận mẫu:

Tờ khai hải quan số (đối với hàng nhập khẩu)

Phương pháp lấy mẫu:

Ngày cấp:

Khối lượng mẫu gửi:

**II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG** (Trường hợp giống sản xuất trong nước): Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018

Phù hợp QCVN theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm).....

Đơn vị kiểm định:.....

**III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:** Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011

- Mã số thử mẫu:

- Mã số tổ chức thử nghiệm:

- **Kết quả thử nghiệm:**

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

**IV. KẾT LUẬN:**

Lô giống... cấp giống... phù hợp/không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... Bộ Nông nghiệp và PTNT ( (tên) ngày tháng năm.

**Tổ chức chứng nhận**  
**Thủ trưởng (Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 07  
**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....

**CÔNG BỐ:**

Giống cây trồng (loài, tên giống, cấp giống

.....  
Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....  
Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp,...*):

.....  
Hình thức đánh giá hợp quy :

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Số ký hiệu báo cáo, ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo tự đánh giá.

.... (Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (loài, tên giống, cấp giống) do mình sản xuất, buôn bán, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm ....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(*Ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

Phụ lục 08

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN  
CÔNG BỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TB-.....

....., ngày ... tháng .... năm .....

THÔNG BÁO  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

..... (Tên cơ quan tiếp nhận công bố) ..... xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số .... ngày ..... tháng ..... năm ..... của:..... (tên tổ chức, cá nhân) .....

địa chỉ tổ chức, cá nhân: .....

cho Giống cây trồng (loài, tên giống, cấp giống): .....

phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật)

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho giống lúa ..... phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của giống lúa... do mình sản xuất, buôn bán, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Lưu: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**Đại diện có thẩm quyền của  
Cơ quan tiếp nhận công bố**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)